

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 441/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2019.
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Dương Văn Hai

- Bà Võ Thị Tố Quyên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2019/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2192/2019/QĐST –HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị Thu Đ**, sinh năm 1981; địa chỉ: 8/4 ấp AB, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre.Có mặt.

- Bị đơn: anh **Bùi Văn G**, sinh năm 1975; địa chỉ: 8/4 ấp AB, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre.Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Nguyễn Thị Thu Đ trình bày:

Vào năm 2001 chị và anh G được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới; hôn nhân tự nguyện; đến năm 2002 chị và anh G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Phú, huyện Thanh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/12/2002. Trong thời gian chung sống anh, chị có 01 con chung tên Bùi Hoàng P, sinh ngày 30/9/2003; hiện con chung đang sống chung với anh G. Anh, chị có tạo lập được tài sản chung là nhà và đất nhưng chị không tranh chấp; nợ chung: không có.

Nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh G: do anh, chị xảy ra mâu thuẫn, anh G thường xuyên nhậu say về đánh đập và chửi mắng chị, sự việc xảy ra nhiều lần và

gia đình hai bên có khuyên ngăn và chị cũng cho cơ hội nhiều lần nhưng anh G không thay đổi nên chị và anh G đã không còn sống chung khoảng 02 tháng.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị có các yêu cầu sau:

- Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn G. Sau khi ly hôn chị không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng cho chị.

- Về con chung: chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Hoàng P, sinh ngày 30/9/2003 và chị không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Bùi Văn G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung anh đồng ý với lời trình bày của chị Đ.

Lý do không còn sống chung: anh thừa nhận trước đây anh có nhiều lần nhậu say về đánh đập và chửi mắng chị Đ nhưng do lúc đó anh say không làm chủ được hành vi. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn với anh, anh rất hối hận nên mong muốn chị Đ cho anh một cơ hội để sửa đổi. Do chị Đ giận nên đã bỏ về nhà mẹ ruột sống và anh, chị đã không còn sống chung khoảng 02 tháng

Trước các yêu cầu của chị Đ, anh có ý kiến sau:

- Về hôn nhân: anh không đồng ý ly hôn với chị Đ do anh còn thương chị Đ và mong muốn hàn gắn tình cảm với vợ để cùng nuôi dạy con chung.

- Về con chung: nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ thì anh đồng ý theo nguyện vọng của con chung.

- Về tài sản chung: anh không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: trong thời gian chung sống chị Đ, anh G đã phát sinh mâu thuẫn. Anh G thừa nhận trước đây anh có nhiều lần nhậu say về đánh đập và chửi mắng chị Đ; mặc dù anh G không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Đ. Do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Đ, anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Bùi Văn G có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 8/4 ấp AB, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu Đ và anh Bùi Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thạnh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/12/2002. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị Đ và anh G được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị Đ xin ly hôn với anh G là do anh, chị xảy ra mâu thuẫn, anh G thường xuyên nhậu say về đánh đập và chửi mắng chị, sự việc xảy ra nhiều lần và gia đình hai bên có khuyên ngăn và chị cũng cho cơ hội nhiều lần nhưng anh G không thay đổi nên chị và anh G đã không còn sống chung khoảng 02 tháng. Xét thấy: Hiện nay chị Đ và anh G không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc dù trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa anh G không đồng ý ly hôn với chị Đ nhưng anh G không đưa ra được các biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Đ và chị Đ cũng không đồng ý. Hơn nữa anh G thừa nhận trước đây anh có nhiều lần nhậu say về đánh đập và chửi mắng chị Đ nên có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị Đ và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là phù hợp.

[4] Về con chung: chị Nguyễn Thị Thu Đ và anh Bùi Văn G có một con chung tên Bùi Hoàng P, sinh ngày 30/9/2003; khi ly hôn chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy hiện nay con chung Bùi Hoàng P có nguyện vọng sống chung với chị Đ. Lễ đó yêu cầu được nuôi con chung của chị Đ là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị Đ không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Do chị Nguyễn Thị Thu Đ và anh Bùi Văn G không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: chị Đ và anh G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- [7] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
[8] Chị Nguyễn Thị Thu Đ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.
[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Đ. Chị Nguyễn Thị Thu Đ được ly hôn với anh Bùi Văn G. Chị Nguyễn Thị Thu Đ và anh Bùi Văn G không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu Đ được trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Hoàng P, sinh ngày 30/9/2003. Do chị Nguyễn Thị Thu Đ không yêu cầu anh Bùi Văn G cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Bùi Văn G có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Bùi Văn G có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; chị Nguyễn Thị Thu Đ có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung chị Đ và anh G không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thu Đ phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003931 ngày 25/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú và đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Thanh Phú;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tơ

